TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày 25 - 02 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Bá Nhất
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Tuyển
2. Bà Mai Thị Mỵ

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaH'leo.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo tham gia phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Thành – Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện EaH'leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2019/TLST - DS, ngày 25 tháng 09 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXX - ST, ngày 06 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị Kim L, sinh năm 1972. Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: Buôn B, xã K, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964.

Địa chỉ cư trú: Buôn B, xã K, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Anh Nguyễn H, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị Kim L trình bày:*

Vào ngày 24 tháng 01 năm 2017 bà Hà Thị Kim L có cho bà Nguyễn Thị T vay với số tiền là 150.000.000 đồng và bà T có viết giấy nợ và hẹn sẽ trả trong vòng 03

ngày, kể từ ngày vay. Số tiền này bà L cho bà T vay một lần không phải chốt các khoản nợ vay trước đó. Theo bà T trình bày số tiền này bà T vay về xin việc cho con. Sau khi vay bà T đã trả cho anh H là con trai của bà L số tiền lãi 7.500.000 đồng vào ngày 15 tháng 01 năm 2018 và chưa trả được tiền gốc. Hiện nay bà L yêu cầu bà T trả số tiền 150.000.000 đồng và trả lãi suất quá hạn theo quy định pháp luật tính từ ngày 27 tháng 01 năm 2017 cho đến nay. Bà L chỉ yêu cầu bà T trả số nợ trên không yêu cầu ông C cùng bà T trả số tiền này. Khi viết giấy vay tiền thì bà L và bà T chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau thời hạn trả nợ là 03 ngày chứ không viết trong giấy và không thỏa thuận lãi suất.

** Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà T thừa nhận là vào ngày 24 tháng 01 năm 2017, giữa bà T và bà L có chốt lại toàn bộ số tiền bà T còn nợ của bà L (Tên thường gọi: M) là 150.000.000 đồng và hẹn đến cuối năm 2017 trả đủ số tiền trên. Đây là số tiền hai bên cho vay qua lại thời gian trước đó và bà T vay về để cho người khác vay lại. Sau đó trong năm 2017 thì bà T có trả cho bà L số tiền là 69.000.000 đồng (Số tiền này bà T đưa cho người nhà bà L nhưng không lập giấy tờ) nên không có chứng cứ chứng minh. Hiện nay những người bà T cho vay không trả cho bà T nên bà T không trả được cho bà L. Sự việc vay mượn giữa hai bên ông C là chồng bà T không biết và không có liên quan gì. Hiện nay bà L khởi kiện, bà T chấp nhận trả toàn bộ số tiền 150.000.000 đồng cho bà L, phương thức trả là trả dần mỗi năm với số tiền 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ và không chấp nhận trả lãi do hiện nay bà T hết khả năng thanh toán không thể trả lãi được. Đối với số tiền 7.500.000 đồng bà L và anh H trình bày là bà T đã trả lãi cho bà L thì bà T không đồng ý vì bà T không trả số tiền này cho anh H.

** Trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Ông C là chồng bà T, việc bà T vay bà L số tiền 150.000.000 đồng ông C không biết và không có liên quan gì. Số tiền này bà T cũng không mang về phục vụ mục đích chi tiêu trong gia đình. Ông C đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

** Trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn H trình bày:*

Anh H là con trai bà L. Việc vay mượn số tiền 150.000.000 đồng giữa bà L và bà T anh không biết. Vào ngày 15 tháng 01 năm 2018 anh H có nhận của bà T số tiền 7.500.000 đồng theo bà T là tiền lãi của số tiền nêu trên. Ngoài ra, anh H không nhận số tiền nào khác và không biết sự việc gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H’Leo phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Kim L. Cần buộc bà Nguyễn Thị T trả cho bà Hà Thị Kim L 156.739.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 6.739.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung tranh chấp:*

[2.1]. Về tình tiết mà các bên đã thống nhất được: Bà Nguyễn Thị T thừa nhận vào ngày 24 tháng 01 năm 2017 có vay bà Hà Thị Kim L số tiền 150.000.000 đồng là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại điều luật này quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, việc bà T có vay của bà L số tiền nói trên là có thật.

[2.2] Về tình tiết các bên không thống nhất được: Mặc dù, bà T thừa nhận có nợ bà L số tiền nêu trên, nhưng không thừa nhận thời hạn vay là 03 ngày như bà L trình bày mà cho rằng thời hạn vay là đến cuối năm 2017. Bà L thừa nhận bà T đã trả cho bà L số tiền 7.500.000 đồng lãi suất, nhưng bà T không thừa nhận tình tiết này và cho rằng bà T đã thanh toán cho bà L số tiền 69.000.000 đồng, nhưng không có chứng cứ để chứng minh.

[3] Hội đồng xét xử, nhận định: Khi hai bên xác lập quan hệ vay tài sản là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về điều kiện, mục đích, nội dung và hình thức hợp đồng vay tài sản được quy định tại các Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 463 Bộ luật Dân sự, nên công nhận việc vay tài sản giữa bà L và bà T là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Bà L đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay tài sản quy định tại khoản 1 Điều 465 Bộ luật Dân sự: "*Giao tài sản cho bên vay đầy đủ, đúng chất lượng, số lượng vào thời điểm và địa điểm đã thỏa thuận"*. Nay bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà L, được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*.

[3.1] Đối với lãi suất và thời hạn trả nợ: Xét thấy, tại giấy nợ tiền đề ngày 24 tháng 01 năm 2017 hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Theo bà L lãi suất hai bên không thỏa thuận nhưng thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận trong vòng 03

ngày, kể từ ngày vay nhưng bà T không thừa nhận thời hạn trả nợ như bà L trình bày mà thừa nhận hai bên thỏa thuận thời hạn vay là cuối năm 2017. Do các bên không thống nhất được thời hạn trả nợ và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến của các bên. Vì vậy, cần xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự và cần xác định thời hạn vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bà T kể từ ngày bà L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án tức ngày 11 tháng 9 năm 2019. Việc bà T không chấp nhận trả lãi suất đối với số tiền 150.000.000 đồng đã vay cho bà L là không có căn cứ. Cần buộc bà T phải trả lãi suất quá hạn cho bà L theo quy định pháp luật.

Đối với số tiền 7.500.000 đồng theo bà L và anh H thừa nhận có nhận từ bà T là tiền lãi suất bà T giao. Tuy nhiên, bà T không thừa nhận việc có giao cho anh H và bà L số tiền lãi nêu trên, nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bà L và anh H. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C: Do ông C không ký vào giấy vay tiền, ông C cũng thừa nhận không biết và không có liên quan đến việc vay mượn giữa bà T và bà L, số tiền bà T vay về cũng không sử dụng vào mục đích chi tiêu sinh hoạt trong gia đình nên không có căn cứ buộc ông C liên đới chịu trách nhiệm trả số nợ 150.000.000 đồng nêu trên cho bà L.

[4]. Từ các nhận định nêu trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Kim L, buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà L số tiền 150.000.000 đồng và lãi suất phát sinh kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2019 theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Lãi suất được tính như sau:

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (Nợ gốc quá hạn chưa trả là 150.000.000 đồng) x (Lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm) x (Thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc từ ngày 11 tháng 9 năm 2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25 tháng 02 năm 2020 là 164 ngày) = (150.000.000 đồng x 10% x 164 ngày): 365 ngày = 6.739.000 đồng.

Như vậy, bà T phải trả cho bà L số tiền 150.000.000 đồng + 6.739.000 đồng = 156.739.000 đồng, trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất là 6.739.000 đồng.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, khoản 1 Điều 465, khoản 1 Điều 466,

khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Kim L.

1. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Hà Thị Kim L số tiền 156.739.000 (Một trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất là 6.739.000 đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 7.836.000 (Bảy triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Hà Thị Kim L số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số 0001055, ngày 18 tháng 9 năm 2019.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Ea H'leo;
- Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Bá Nhất